TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HƯNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 12/2022/DS-ST
Ngày: 09-6-2022
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Chí Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Chánh.
2. Bà Nguyễn Thị Ánh Xuân.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Lệ Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 5 và ngày 02, 09 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 118/2021/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản*"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn:

- Ông Lê Hoàng D, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Ấp N xã H, huyện T, tỉnh Long An.

- Bà Dương Thị Hồng H, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Số 71, Trần P, phường B, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm: 1988; Địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

4. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm: 1993; Địa chỉ: Ấp R, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

(Ông T, bà H, bà Y có mặt; ông D, bà G xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Phạm Văn T trình bày:

Ngày 05/3/2021, ông có hợp đồng gửi tiền mặt lấy lãi cho ông Lê Hoàng D, bà Dương Thị Hồng H. Số tiền ông gửi là 300.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, thời gian gửi là 06 tháng sẽ lấy lại số tiền gốc, gửi lãi suất hàng tháng. Tuy nhiên, đến nay ông D, bà H không trả lại tiền gốc cho ông mà chỉ trả tiền lãi đến ngày

05/11/2021 là 48.000.000 đồng. Đến nay đã quá hạn trả nợ nhưng ông D, bà H không trả nợ cho ông.

Tại phiên tòa, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Hoàng D, bà Dương Thị Hồng H phải liên đới trả cho ông số tiền gốc 300.000.000 đồng và lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 05/3/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 15 tháng 04 ngày (300.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 15 tháng 04 ngày = 75.364.000 đồng) thành tiền là 75.364.000 đồng.

Ông Phạm Văn T đồng ý khấu trừ số tiền ông D, bà H đã trả cho ông là 48.000.000 đồng vào phần tiền lãi 75.364.000 đồng – 48.000.000 đồng = 27.364.000 đồng.

Như vậy, ông D và bà H phải liên đới trả cho ông tổng số tiền 327.364.000 đồng.

Bị đơn bà Dương Thị Hồng H trình bày:

Trước đây vợ chồng bà có vay tiền của ông T, đến ngày 05/3/2021 thì vợ chồng bà tiếp tục vay tiền của ông T số tiền 300.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng/triệu, thời hạn vay 06 tháng, trả lãi hàng tháng, vợ chồng bà vay tiền về để đầu tư kinh doanh vật tư nông nghiệp, thanh toán nợ cho công ty và đại lý cấp 1. Bà là người trực tiếp nhận tiền, do lúc nhận tiền thì không có ông D ở nhà nên bà đại diện ký nhận nợ, vợ chồng bà đã trả cho ông T số tiền lãi là 48.000.000 đồng. Nay bà đồng ý liên đới với ông D trả cho ông T số tiền vay gốc là 300.000.000 đồng, yêu cầu khấu trừ số tiền 48.000.000 đồng đã trả cho ông T vào phần tiền lãi suất, đồng ý trả lãi suất 1,66%/tháng.

Bị đơn ông Lê Hoàng D trình bày:

Trước đây vợ chồng ông có vay tiền để làm ăn, khi vay hai vợ chồng có bàn bạc và cùng nhau ký biên nhận. Việc mua bán và kinh doanh của đại lý Hoàng D do bà H chịu trách nhiệm, đến tháng 5/2021 thì bà H giao việc kinh doanh lại cho ông. Việc bà H vay của ông T số tiền 300.000.000 đồng thì ông không biết, bà H không có bàn bạc với ông. Ông có trả thay bà H số tiền lãi 12.000.000 đồng cho ông T, ông không có ý kiến hoặc yêu cầu đối với số tiền này.

Nay ông không đồng ý liên đới với bà H trả cho ông T số tiền vay gốc 300.000.000 đồng và lãi suất phát sinh, không yêu cầu giải quyết đối với số tiền trả lãi thay cho bà H là 12.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Y trình bày:

Ngày 05/3/2021, ông T có cho ông D, bà H vay số tiền 300.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, thời gian gửi là 06 tháng sẽ lấy lại số tiền gốc, gửi lãi suất hàng tháng. Việc cho vay tiền thì do ông T trực tiếp thực hiện với ông D, bà H nên bà không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị G trình bày:

Ngày 05/3/2021, ông T có đến đại lý Hoàng D gặp bà H, sau đó bà H nhờ bà in hợp đồng gửi tiền mặt lấy lãi, bà chỉnh sửa lại ngày tháng năm và số tiền gửi, còn hợp đồng thì đã có sẵn mẫu trên máy tính của đại lý Hoàng D, việc giao nhận tiền giữa các bên thì bà hoàn toàn không biết, bà không biết bà H vay tiền sử dụng vào mục đích gì. Ông D, bà H đều phụ trách kinh doanh của đại lý và bà H có đứng ra mua bán, thanh

toán tiền với công ty, đại lý khác. Bà có giao tiền cho ông T nhưng không nhớ rõ số tiền cụ thể và giao bao nhiêu lần, tiền bà giao cho ông T là của đại lý Hoàng D, bà không nhớ rõ ông D hay bà H kêu bà giao.

Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải giữa các đương sự nhưng không tiến hành hòa giải được.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Ông Phạm Văn T khởi kiện ông Lê Hoàng D, bà Dương Thị Hồng H về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản", do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng tham gia phiên tòa. Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng theo quy định; Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

Ông T yêu cầu bà H và ông D liên đới trả cho ông, bà số tiền gốc 300.000.000 đồng và lãi suất 1,66%/tháng kể từ ngày 5/3/2021 đến ngày xét xử xong là có cơ sở chấp nhận một phần, bởi vì: Căn cứ vào "Hợp đồng gửi tiền mặt lấy lãi ngày 05/3/2021" có chữ ký của bà H thể hiện bà H có vay tiền của ông T hẹn đến ngày 05/9/2021 trả, nhưng đến hạn bà H không trả. Bản thân bà H thừa nhận bà và ông D vay tiền của ông T nhưng bà H không chứng minh được việc bà sử dụng nguồn tiền vay của ông T vào mục đích chung của vợ chồng. Mặt khác, ông D không thừa nhận việc vay tiền của ông T, ông D thừa nhận có trả lãi 12.000.000 đồng cho ông T nhưng khi trả lãi, ông D ghi trả lãi dùm bà H và ông T cũng thống nhất ông D có ghi trả lãi dùm bà H, từ đó cho thấy việc ông D không biết bà H vay tiền của ông T. Do đó, yêu cầu của ông T là có cơ sở chấp nhận một phần là phù hợp với quy định tại Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình. Buộc bà H trả tiền số tiền gốc 300.000.000 đồng và lãi suất 1,66%/tháng kể từ ngày 05/3/2021 đến ngày xét xử xong, ông D không phải liên đới với bà H trả tiền cho ông T. Ông T đồng ý khấu trừ số tiền 48.000.000 đồng lãi suất mà bà H đã trả nên ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Ông T yêu cầu ông D, bà H phải liên đới trả số tiền vay là 300.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 05/3/2021, đồng ý khấu trừ số tiền đã trả lãi là 48.000.000 đồng vào phần tiền lãi suất.

Bà H thừa nhận nợ ông T số tiền 300.000.000 đồng, bà H đồng ý liên đới với ông D trả số tiền gốc 300.000.000 đồng và lãi suất cho ông T.

Ông D không thừa nhận nợ và không đồng ý liên đới với bà H trả tiền cho ông T.

[3]. Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1]. Bà H thừa nhận nợ và đồng ý trả nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Ông D cho rằng bà H mượn tiền của ông T ông không biết nên ông không đồng ý liên đới với bà H trả nợ theo yêu cầu của ông T.

Xét thấy: Bà H khai vay tiền của ông T để đầu tư kinh doanh vật tư nông nghiệp chung cho vợ chồng, trả nợ cho công ty, đại lý cấp 1, lời khai của bà H phù hợp với lời khai của ông T về việc sử dụng số tiền vay. Ông D thừa nhận bà H là người phụ trách kinh doanh chung của vợ chồng, bà H là người trả nợ cho công ty, đại lý khi kinh doanh.

Theo quy định tại Điều 17 và Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì "vợ chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình; Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các Điều 24, 25 và 26 của luật này".

Do đó, ông D phải có nghĩa vụ liên đới với bà H trả tiền cho ông T là có căn cứ.

Như vậy, việc ông và bà H vay tiền của ông T là có thật. Nay ông T yêu cầu ông D, bà H phải liên đới trả số tiền 300.000.000 đồng là có căn cứ theo Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự thì *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác"*.

Ông T yêu cầu ông D, bà H phải liên đới trả lãi đối với số tiền vay, thời hạn tính lãi kể từ ngày 05/3/2021, theo mức lãi suất là 1,66%/tháng, thành tiền là 75.364.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại các Điều 357, 468 Bộ luật dân sự.

Ông T đồng ý khấu trừ số tiền ông D, bà H đã trả là 48.000.000 đồng vào tiền lãi suất nên Hội đồng xét xử ghi nhận: 75.364.000 đồng – 48.000.000 đồng = 327.364.000 đồng.

Như vậy, ông T yêu cầu ông D, bà H phải liên đới trả số tiền 327.364.000 đồng là có căn cứ.

[3.2]. Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng là không có căn cứ chấp nhận như phần nhận định trên.

[3.3]. Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Do yêu cầu của ông T được chấp nhận nên ông D và bà H phải liên đới chịu 5% tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho ông T.

Ông T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho ông T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 288, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 17, 27, 37 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T đối với ông Lê Hoàng D, bà Dương Thị Hồng H về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Ông Lê Hoàng D, bà Dương Thị Hồng H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Văn T số tiền 327.364.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông Lê Hoàng D, bà Dương Thị Hồng H phải liên đới chịu 16.368.000 đồng (đã làm tròn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Văn T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông T 7.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003057 ngày 06/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

<u>Nơi nhận</u>
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND huyện/tỉnh;*
- *Chi cục THA DS;*
- *Các Đ/s;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Chí Dũng